

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 16/6/2023

V/v: *Ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Phước Đại

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quyền

Ông Trương Hoài Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Minh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Lâm Thành Them - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 06/2023/TLPT-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2022 về việc “Ly hôn”. Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 10/2023/HNGĐ-ST ngày 31/01/2023 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 31/2023/QĐPT-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Việt D**, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số 326J/6, đường Nguyễn V, khu vực 5, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Bà **Đỗ Thị B**, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Số 326J/6, đường Nguyễn V, khu vực 5, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn Việt D và bà Đỗ Thị B kết hôn ngày 22/4/1986 và có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, giữa ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn; Nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không tôn trọng và thấu hiểu nhau. Ông bà đã tìm nhiều biện pháp để hàn gắn nhằm duy trì quan hệ hôn nhân nhưng không đạt kết quả. Nay ông nhận thấy tình cảm giữa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy, ông yêu cầu được ly hôn với bà Đỗ Thị B. Về con chung: Có 02 con chung gồm Nguyễn T(Nữ), sinh năm 1988 và Nguyễn K(Nam), sinh năm: 1992. Hiện nay hai con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày:

Bị đơn bà Đỗ Thị B thống nhất với trình bày của ông Nguyễn Việt D về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung, tuy nhiên, do bà vẫn còn yêu thương chồng con nên bà không đồng ý ly hôn với ông D.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 10/2023/HNGĐ-ST ngày 31/01/2023 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều đã quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Việt D.
- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Việt D được ly hôn với bà Đỗ Thị B.
- Về con chung: Đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.
- Về tài sản chung và nợ chung: Do các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 31/01/2023, bị đơn Đỗ Thị B kháng cáo không đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu quan điểm và đề nghị:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Về nội dung kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên

tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “Ly hôn” là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn vẫn yêu cầu Tòa án cho ly hôn, còn bị đơn thì không đồng ý vì cho rằng quá trình chung sống bà làm tròn trách nhiệm với chồng, con. Tại phiên tòa phúc thẩm, mặc dù đã được Hội đồng xét xử phân tích, động viên nhưng nguyên đơn vẫn kiên quyết ly hôn và cho rằng tình cảm vợ chồng không còn do thường xuyên cãi vã nên không thể hàn gắn được. Xét thấy, bị đơn cho rằng vẫn còn thương chồng và không muốn ly hôn. Nhưng thấy rằng, tình cảm vợ chồng, yêu thương nhau phải từ sự tự nguyện của cả hai, chỉ một bên là không đủ và sẽ không tiến đến mục đích chung là yêu thương, chăm sóc và hạnh phúc. Từ sự kiên quyết của nguyên đơn cho thấy, tình trạng hôn nhân của vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[3] Án phí Hôn nhân và Gia đình phúc thẩm: Bị đơn phải chịu.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Việt D được ly hôn với bà Đỗ Thị B.

[2] Về con chung: Đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Do các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Việt D phải chịu 300.000 đồng. Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000202 ngày 25/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Ông D đã nộp đủ.

[5] Án phí Hôn nhân và Gia đình phúc thẩm: Bà Đỗ Thị B phải nộp 300.000 đồng. Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0000596 ngày 31/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều. Bà B đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

[6] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND TPCT;
- TAND Q. Ninh Kiều;
- Các đương sự;
- CCTHADS Q. Ninh Kiều;
- UBND xã, TT nơi đ/s cư trú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lương Phước Đại